

Bản án số: 04/2021/HS-PT
Ngày 06 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị T2 Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 667/2020/HS-PT ngày 05/11/2020, đối với bị cáo Trần Hoàng D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Hoàng D, sinh năm 1974; tại tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: 28/6 đường số 18, khu phố 1, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Chủ doanh nghiệp; con ông Trần Văn N, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1932 (đã chết). Bị cáo có vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1969 và có 2 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2003.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/4/2018 (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Bá Tùng - Công ty luật TNHH DL Pinnacle, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

Các bị cáo:

- **Phạm Ngọc T1**; Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1961 (*có đơn xin vắng*)

Nơi cư trú: 107/8 khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Châu Ngọc T2**; Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1974 (*có đơn xin vắng*)

Nơi cư trú: 52/1/30B Đường N, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- **Đặng Duy A**; Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1977 (*có đơn xin vắng*)

Nơi cư trú: khóm 1, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 54.0.1.000226 ngày 06/11/2002, địa chỉ kinh doanh tại: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, ngành nghề kinh doanh: xây dựng các công trình dân dụng, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.... do bị cáo Trần Hoàng D làm Chủ doanh nghiệp và là người đại diện theo pháp luật. Doanh nghiệp kê khai thuế tại Chi Cục Thuế huyện Mang Thít, mã số thuế: 1500419249, tài khoản giao dịch của doanh nghiệp số 7302201000222 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Mang Thít, gọi tắt là Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít (BL số 89-90).

Đồng thời, bị cáo D còn là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Trần Khánh Quân, địa chỉ: số 28/6, đường số 18, khu phố 1, phường B, Quận B, TP.Hồ Chí Minh, thành lập ngày 23/5/2007, Mã số doanh nghiệp: 0304989307, ngành nghề kinh doanh: xây dựng cầu, đường và các công trình dân dụng, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa..... Công ty kê khai thuế tại Chi Cục Thuế Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, tài khoản giao dịch số 1940209000010 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh (BL 57).

Tính đến ngày 15/5/2009, Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình còn nợ các khoản vay tín dụng của các ngân hàng như sau:

- Vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít 03 hợp đồng tín dụng ký ngày 13/02/2009, 16/02/2009 và 28/02/2009, tổng dư nợ: 12,1 tỷ đồng, chưa phát sinh nợ xấu. Tài sản thế chấp là 03 chiếc sà lan biển số VL-9688, VL-5798

và VL-11399, với tổng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay vốn là: 16,5 tỷ đồng (BL số 264-265).

- Vay của Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Vĩnh Long 24 hợp đồng tín dụng ký từ ngày 29/9/2006 đến 31/12/2008, nợ gốc: 15.745.000.000 đồng, nợ lãi: 2.088.317.172 đồng, tổng dư nợ: 17.833.317.172 đồng. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải, xe chuyên dùng và nhiều quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại xã Tân Long, huyện Mang Thít, Vĩnh Long và huyện Long Thành, Đồng Nai, với tổng giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay vốn là: 5.335.135.000 đồng (BL 217-218).

Vào thời điểm tháng 05/2009, Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình không còn tài sản nào khác để thế chấp vay tín dụng ngân hàng, lúc này trong tài khoản của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình còn lại số tiền 70.808.791đ (bảy mươi triệu tám trăm lẻ tám ngàn bảy trăm chín mươi một đồng) (BL 60), tài khoản của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Trần Khánh Quân còn lại số tiền 1.001.800đ (một triệu không trăm lẻ một ngàn tám trăm đồng) không đủ để duy trì hoạt động kinh doanh và trả vốn, lãi ngân hàng khi các hợp đồng tín dụng đến hạn (BL 67).

Do nhu cầu cần số tiền lớn để duy trì hoạt động kinh doanh và trả vốn lãi cho Ngân hàng khi các hợp đồng tín dụng đến hạn nhưng không còn tài sản thế chấp nên bị cáo Trần Hoàng D nảy sinh ý định làm giả hợp đồng đóng mới sà lan trị giá 10.000.000.000đ (mười tỷ đồng) để vay tiền ngân hàng, tài sản thế chấp là sà lan được hình thành trong tương lai (BL 228, 229, 235, 236, 242, 246).

Để làm hồ sơ vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít, ngày 16/5/2009 bị cáo D đến gặp ông Phạm Mạnh Hùng là Giám đốc Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu biển Chim Ưng (*gọi tắt là Công ty Chim Ưng*), địa chỉ: 137/17/75 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh thỏa thuận sẽ thuê Công ty Chim Ưng đóng mới 01 sà lan tự hành với kích thước chiều dài 69,5m, chiều rộng 13m, chiều cao mạn 4,5m, trọng tải 2.250 tấn, sau khi chiết tính tổng giá thành là 9.999.157.866đ (chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng), đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng (BL 112-115). Cùng ngày bị cáo D ký hợp đồng kinh tế số 090262/FCSRC-TB với ông Phạm Mạnh Hùng, đóng mới sà lan theo bảng chiết tính dự toán giá thành đã lập, thời gian khởi công ngày 09/6/2009, thời gian hoàn thành 24/9/2009 (BL 109-110) sau đó dùng hợp đồng đóng mới sà lan và bảng chiết tính dự toán giá thành đã ký với Công ty Chim Ưng và giấy đề nghị vay tiền đến gặp bị cáo Phạm Ngọc T1 - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít để xin vay 07 tỷ đồng để đóng mới sà lan, bị cáo T1

phân công bị cáo Châu Ngọc T2 - Trưởng phòng tín dụng hướng dẫn bị cáo D làm hồ sơ vay vốn và thẩm định hồ sơ vay.

Ngày 18/5/2009, bị cáo D làm dự án (phương án) sản xuất kinh doanh dịch vụ với mục đích vay vốn là đóng mới sà lan vận chuyển cát đá, tổng nhu cầu vốn của dự án là 9.999.157.866đ (chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó vốn tự có của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình là 2.999.157.866đ (hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu một trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng), vốn vay 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng), nhưng lại ký tên và đóng dấu doanh nghiệp ngày 15/5/2009 (BL 108), D nâng không vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình trong Bảng cân đối kế toán ngày 30/4/2009 từ 455 triệu đồng lên thành 4,55 tỷ đồng để đáp ứng Điều kiện vay vốn, số liệu bản cân đối kế toán do bị cáo D cung cấp, bị cáo T2 nhập vào máy tính sau đó in ra đưa cho bị cáo D xem thông tin và ký tên đóng dấu (BL 91, 92, 237, 684, 986, 993, 1014, 1015, 1058) và nộp toàn bộ hồ sơ xin vay cho T2. Do trước đó T2 đã thẩm định cho Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình vay nhiều khoản vay để mua sà lan, các hợp đồng vay đều đóng lãi và gốc đúng hạn không phát sinh nợ xấu, nên khi thẩm định khoản vay 07 tỷ đồng để đóng mới sà lan, T2 tin tưởng vào số liệu trong bảng cân đối kế toán do D cung cấp, không tiến hành xác minh thực tế nguồn vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình.

Bị cáo Đặng Duy A cùng với bị cáo T2 đến Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình gặp bà Nguyễn Thị Danh vợ bị cáo D để xác minh việc vay vốn và giấy thỏa thuận giao dịch tài sản chung (BL 100), việc thẩm định, lập báo cáo thẩm định, tái thẩm định đều do bị cáo T2 thực hiện, ngày 18/5/2009 T2 lập báo cáo thẩm định tái thẩm định hồ sơ vay vốn đạt yêu cầu và ký tên vào mục Trưởng phòng tín dụng và bị cáo Đặng Duy A là cán bộ tín dụng ký tên vào mục ý kiến của cán bộ tín dụng thẩm định để đề xuất bị cáo Phạm Ngọc T1 phê duyệt cho vay (BL 120, 121, 122), cùng ngày bị cáo Phạm Ngọc T1 đại diện Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít ký kết hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 10.09.0097, xác định giá trị tài sản bảo đảm (BL101-106), ký hợp đồng tín dụng số 7302-LAV-200904018 với Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình do bị cáo Trần Hoàng D làm đại diện, cho vay số tiền 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) để đóng mới sà lan vận chuyển cát đá (BL 116) và ký biên bản thỏa thuận chuyển số tiền 07 tỷ đồng vào tài khoản tiền gửi, Thanh toán của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình, D cam kết Thanh toán tiền vật tư đúng theo hợp đồng kinh tế và theo bản đề nghị ngày 18/5/2020 của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình (BL 148 đến 151).

Đến ngày 22/5/2009, Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít giải ngân một lần số tiền 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) vào tài khoản số 7302201000222 của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình mở tại Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít. Việc giải ngân này phù hợp với quy định tại Điều 16 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều 19 Quyết định số 72/QĐ-HĐQT-TD ngày 31/3/2002 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (BL 85).

Sau khi số tiền vay được chuyển vào tài khoản, ngày 25/5/2009 bị cáo D gặp ông Phạm Mạnh Hùng thỏa thuận lại một số nội dung của Hợp đồng đóng mới sà lan số 090262/FCSRC-TB ngày 16/5/2009, với lý do: Xét thấy năng lực tài chính của Công ty Chim Ưng không đảm bảo cung cấp toàn bộ vật tư chính để thi công, vì vậy toàn bộ phần vật tư chính sẽ do Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình cung cấp, Công ty Chim Ưng sẽ thực hiện cung cấp phần vật tư phụ và gia công hoàn chỉnh phần vỏ của sà lan. Sau đó, Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình và Công ty Chim Ưng tiến hành ký Biên bản thỏa thuận ngày 18/5/2009 (BL 393) và ký tiếp Hợp đồng gia công sà lan số 090269/FCSRC-TB ngày 25/5/2009 để gia công 01 sà lan tự hành, trọng tải thiết kế: 1.810 tấn, chiều dài 59m, chiều rộng: 11,9m, chiều cao mạn: 4,49m, giá trị Hợp đồng khi ký kết chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là: 1.297.604.680đ, thời gian dự kiến đóng hoàn thành ngày 24/9/2009, sà lan được thiết kế trong Hợp đồng gia công số 090269/FCSRC-TB ngày 25/5/2009 có kích thước, trọng tải nhỏ hơn so với sà lan được đóng mới theo Hợp đồng đóng mới số 090262/FCSRC-TB ngày 16/5/2009 (BL 393-401). Việc thay đổi từ đóng mới sang đóng gia công sà lan có trọng tải, kích thước nhỏ hơn, bị cáo D tự ý thực hiện không có thông báo cho Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít biết, không tiến hành hủy Hợp đồng đóng mới sà lan số 090262/FCSRC-TB ngày 16/5/2009 giữa Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình với Công ty Chim Ưng vì mục đích ban đầu của bị cáo D là dùng Hợp đồng này để thế chấp vay vốn ngân hàng mới được vay số tiền 07 tỷ đồng. cùng ngày 25/5/2009, bị cáo D ký kết hợp đồng mua bán ố 01-2009/HĐKT/TNA-TB với Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Nghệ An số 73 (phòng 2 tầng 3), Cao Thắng, phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh mua lô hàng sắt thép trị giá 4.528.665.000 đồng (bốn tỷ năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) (BL 127, 128).

Từ hợp đồng mua bán này, ngày 26/5/2009, bị cáo D làm văn bản số 09027FCSRC gửi Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít xin rút số tiền bốn tỷ đồng, được Phạm Ngọc T1 đồng ý (BL 155), bị cáo D chuyển tiền từ tài khoản Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình vào tài khoản Công ty Cổ phần thương

mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Trần Khánh Quân (gọi tắt là công ty Trần Khánh Quân) số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) (BL 375). Ngày 02/6/2009, bị cáo D chuyển từ tài khoản Công ty Trần Khánh Quân cho Công ty Chim Ưng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) (BL 404), ngày 08/6/2009 bị cáo mua hai máy thủy đã qua sử dụng hiệu Cummins giá 24.150.000 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) (BL 131),

Ngày 20/6/2009, bị cáo Châu Ngọc T2 và bị cáo Đặng Duy A kiểm tra sau cho vay, kiểm tra tiến độ đóng sà lan nhưng không kiểm tra thực tế kích thước sà lan đang đóng có đúng là sà lan mà Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp huyện Mang Thít ngày 18/5/2009 hay không nên không phát hiện được chiếc sà lan đang đóng có kích thước, tải trọng nhỏ hơn so với sà lan thế chấp cho Ngân hàng và lập biên bản kiểm tra sau khi cho vay, xác định tài sản sà lan đang hình thành theo tiến độ dự án của hợp đồng kinh tế số 09027/FCSRC-TB ngày 16/5/2009, tiến độ trên dưới 40% bị cáo D có nhu cầu rút đến 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để đầu tư cho dự án và trình giám đốc giải quyết và được bị cáo T1 xác nhận (BL 152), nên bị cáo D tiếp tục chuyển vào tài khoản Công ty Trần Khánh Quân 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) (BL 374); ngày 23/6/2009 bị cáo D chuyển tiếp 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) từ tài khoản của Công ty Trần Khánh Quân cho Công ty Chim Ưng. (BL 405)

Ngày 20/7/2009, bị cáo D mua lô hàng sắt thép trị giá 2.901.871.449 đồng (hai tỷ chín trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng). Ngày 10/8/2009, bị cáo D ban hành văn bản số 090278/FCSRC gửi Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Mang Thít xin rút số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) (BL 153). Ngày 11/8/2009, bị cáo T2 kiểm tra tiến độ hình thành của tài sản hình thành từ vốn vay, báo cáo kiểm tra xác định: đã thanh toán tiền sắt 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) có hóa đơn, đã mua sắt chưa có hóa đơn (chưa Thanh toán tiền), 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng): trả tiền công 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), mua hai máy Cummins 444 + 02 hộp số + lắp là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), phần còn lại chưa mua: sắt 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), máy trợ lực, máy đèn, máy dầu và các chi phí khác 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) được bị cáo T1 phê duyệt thống nhất (BL 154, 161, 162); bị cáo An không có đi kiểm tra nhưng vẫn ký tên vào báo cáo. Ngày 31/8/2009, bị cáo D chuyển tiền từ tài khoản của Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình cho Công ty Chim Ưng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) (BL 406).

Gần đến ngày hoàn thành hợp đồng đóng mới sà lan để làm thủ tục đăng kiểm thể chấp cho Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít nhưng sà lan chưa đóng xong do bị cáo D không cung cấp đủ vật tư. Để đối phó việc kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay của Ngân hàng nông nghiệp Mang Thít, ngày 15/9/2009, D ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 090459/FSCRC-TB với Công ty Chim Ưng để gia hạn thời gian hoàn thành của Hợp đồng đóng mới số 090262/FCSRC-TB ngày 16/5/2009 từ ngày 24/9/2009 đến ngày 24/02/2010 nhằm hợp thức hóa để bổ sung hồ sơ cho Ngân hàng (BL 111).

Ngày 10/3/2010, ông Trần Hoàng Nam cán bộ Ngân hàng nông nghiệp Mang Thít kiểm tra sau khi cho vay xác định tiến độ thực hiện dự án không đúng quy định (trễ hạn), tiền lãi vay chưa trả ngân hàng 05 tháng, tài sản đang đóng chưa hoàn thành tiến độ 90 – 95%, đã đăng kiểm xong chờ hạ thủy sẽ đăng ký. Đề nghị hộ vay (DN) phải sớm hoàn thành trong tháng 3/2010 nộp ngân hàng hồ sơ chưa đóng cho ngân hàng (BL163). Ngày 03/5/2009, ngân hàng nông nghiệp tiếp tục kiểm tra việc sử dụng vốn vay (BL 164 đến 168). Do Doanh nghiệp tư nhân Thân Bình không cung cấp đủ vật tư để Công ty Chim Ưng đóng hoàn thành sà lan mặc dù đã ứng trước một số tiền mua vật tư để đóng sà lan nên ngày 25/5/2010, Công ty Chim Ưng ban hành công văn số 100189/CV-SRC gửi bị cáo Trần Hoàng D yêu cầu cung cấp vật tư còn thiếu để Công ty Chim Ưng hoàn thiện (BL 411).

Ngày 21/01/2011, bị cáo T1, bị cáo T2 cùng bà Trần Ái Liên là kiểm tra viên kiểm tra tiến độ đóng sà lan của DNTN Thân Bình, ông Hùng – Giám đốc Công ty Chim Ưng cho biết: lí do chậm trễ là do bị cáo D không đủ tiền để đầu tư vật tư. Hiện tại, phần còn thiếu để hoàn thành sà lan là gần 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) (BL177 - 178). Ngày 19/02/2011, Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít làm việc với bị cáo Trần Hoàng D về các khoản vay của ngân hàng (BL 179, 180).

Ngày 30/3/2011, thời điểm này bị cáo D không còn tiền để tiếp tục mua vật tư đầu tư đóng hoàn thiện sà lan nên tiến hành lập biên bản nghiệm thu sà lan (BL 412 đến 422).

Ngày 08/4/2011, Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít kiểm tra tiến độ đóng sà lan lần thứ 4, đã xác định chỉ mới hoàn thành đến phần hạ thủy (BL 174-175). Ngày 21/5/2011 Công ty Chim Ưng bàn giao sà lan cho bị cáo Trần Hoàng D (BL 377 – 378). Ngày 18/5/2011, quyết toán đóng mới giữa DNTN Thân Bình do bị cáo Trần Hoàng D làm giám đốc với Công ty Chim Ưng.

Chi phí gia công và thuế 5%, thành tiền: 1.373.187.690 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

Chi phí vật tư do SRC cấp cộng thuế 10%, thành tiền 583.425.470 đồng (năm trăm tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng);

Tổng cộng: 1.956.613.160 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm sáu mươi đồng).

Đã trả trước 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); tổng số tiền nhân công và tiền vật tư bên DNTN Thân Bình còn phải trả cho Công ty Chim Ưng là 1.156.613.160 đồng (một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm sáu mươi đồng). (BL 423, 424).

Ngày 19/5/2011, hai bên T2 lý hợp đồng (BL 380). Bị cáo D Thanh toán cho Công ty Chim Ưng tổng số tiền 610.000.000 đồng (sáu trăm mười triệu đồng). (Bl 407 – 410).

Ngày 17/6/2011, Đoàn xử lý nợ của Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít đến Công ty Chim Ưng xác minh sà lan của bị cáo Trần Hoàng D thì ông Phạm Mạnh Hùng – Giám đốc công ty Chim Ưng cho biết sà lan đã được kéo về tỉnh Vĩnh Long (BL 381 – 382). Đoàn xử lý nợ tiếp tục đến xưởng đóng tàu của ông Lộc ở ấp Chợ, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thì ông Lộc báo bị cáo D kéo sà lan lại gửi cho xưởng đóng tàu yêu cầu bổ sung phần sà lan đang dở dang. Đoàn thông báo cho ông Lộc biết sà lan chạy kiểm tra đang thể chấp cho ngân hàng, là tài sản hình thành từ vốn vay. Khi nào bị cáo D có đến liên hệ sửa chữa hoặc kéo đi hoặc biết bị cáo D có thỏa thuận bán sà lan cho ai thì báo ngay cho đoàn xử lý nợ biết theo số điện thoại: 0908.631.009 (BL 183).

Ngày 26/8/2011, Đoàn xử lý nợ của Ngân hàng Nông nghiệp huyện Mang Thít xác minh việc bán sà lan tại Công ty Trương Lộc giá 3.150.000.000 đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), lúc này xà lan đã bị cắt cabin và mặt boong hầm máy, đã cầu hai máy hiệu Cummins 440 mã lực để tại kho của gia đình ông Lộc tại ấp Long Hòa 4, xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Đoàn xử lý nợ giao cho ông Võ Tấn Lộc - Giám đốc Công ty Trương Lộc giữ nguyên hiện trạng chờ giải quyết (BL 384). Ngày 29/8/2011, Đoàn xử lý nợ tiếp tục làm việc với ông Võ Tấn Lộc, ông Lộc đồng ý chấp nhận thời hạn đến ngày 14/9/2011 ngân hàng giải quyết cho xong (BL 385).

Ngày 30/8/2011, tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Mang Thít, bị cáo D thừa nhận đã bán sà lan cho ông Lộc, đoàn xử lý nợ yêu cầu bị cáo D phải khắc phục ngay việc bán sà lan trên, thu hồi tài sản lại, đồng thời bổ sung thủ tục còn thiếu, giấy chứng nhận giao ngân hàng. Bị cáo D đồng ý thứ năm ngày 01/9/2011 sẽ bán sà lan trên với số tiền 4.100.000.000 đồng (bốn tỷ một trăm

triệu đồng) để trả nợ vay ngân hàng, phần nợ thiếu sẽ nộp tiền mặt để trả đủ cho ngân hàng (BL 387). Ngày 30/8/2011, Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít ban hành văn bản số 55/NHNo-MT-TD giao việc tạm quản lý sà lan để chờ giải quyết cho ông Võ Tấn Lộc (BL386). Ngày 06/9/2011, Ngân hàng nông nghiệp Mang Thít mời bị cáo D giải quyết nợ vay ngân hàng: phía ngân hàng đề nghị thu hồi phần tài sản hỗ trợ lãi suất 287.000.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu đồng), quản lý tài sản không được phép mua bán, cắt xẻ sà lan, mang sà lan về neo đậu tại Ngân hàng huyện Mang Thít, nếu như bị cáo D không thực hiện được, thực hiện các biện pháp khác để trả nợ (gốc, lãi) quá hạn ngân hàng. Mua bảo hiểm toàn bộ các chiếc sà lan hiện tại đã hết hạn. Thời gian khắc phục chậm nhất đến ngày 09/5/2011. Nếu quá thời hạn trên thì ngân hàng sẽ chuyển sang cơ quan pháp luật để xử lý (BL 388).

Ngày 18/9/2011 những người góp vốn mua sà lan của bị cáo D lập biên bản thống nhất cắt sà lan tự hành (BL 201). Ông Lộc đã Thanh toán cho bị cáo Trần Hoàng D là 3,15 tỷ đồng tiền mặt, chia làm nhiều lần từ ngày 17/5/2011 đến 14/10/2011, có biên nhận nhận tiền (BL 195 đến 199).

Số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện Mang Thít, bị cáo Trần Hoàng D đã sử dụng:

- Trả tiền mua vật tư đóng sà lan cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tân Nghệ An, địa chỉ số 73 Cao Thắng, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 2.901.871.449 đồng (hai tỷ chín trăm lẻ một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng).

- Mua 02 (hai) máy Cummins đã qua sử dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Biển Khơi, địa chỉ số 645A, Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh số tiền 24.150.000 đồng.

- Trả tiền vật tư, tiền công thợ cho Công ty Chim Ưng số tiền 800.000.000 đồng.

- Trả tiền gốc, tiền lãi của hợp đồng tín dụng số 7302-LAV-200904018 ngày 18/5/2009, số tiền 1.515.458.334 đồng (một tỷ năm trăm mười lăm triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), đã trừ hỗ trợ lãi suất (BL 56, 124, 125, 126).

- Còn lại số tiền 1.758.520.217 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn hai trăm mười bảy đồng) đưa vào hoạt động kinh doanh của Công ty Trần Khánh Quân và DNTN Thân Bình bị thua lỗ không còn khả năng khắc phục. Hành vi của Trần Hoàng D đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Số tiền bán sà lan 3.150.000.000 đồng bị cáo D sử dụng:

- Trả tiền vật tư, công thợ cho Công ty Chim Ưng số tiền 610.000.000 đồng.

- Nộp cho Cơ quan Điều tra số tiền 1.000.000.000 đồng, nộp trước khi bị khởi tố.

- Còn lại 1.540.000.000 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi triệu đồng) sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty Trần Khánh Quân bị thua lỗ không còn khả năng khắc phục.

Ông Nguyễn Xuân Chương – Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu bị cáo Trần Hoàng D nộp khắc phục số tiền 5.280.777.777 đồng do dư nợ gốc hiện tại của Hợp đồng tín dụng số 7302-LAV-200904018 ngày 18/5/2009 là 5.280.777.777 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng D 12 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/4/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử các bị cáo Phạm Ngọc T1, Châu Ngọc T2, Đặng Duy A, xử lý trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2020 bị cáo Trần Hoàng D kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan thành kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án như sau: Bị cáo có hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ, phương án đóng sà lan và chiếm đoạt số tiền trên 5 tỷ đồng của Ngân hàng; vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm

2017, xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên hình phạt bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội nên thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt, thể hiện thái độ thật thà khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội. Sau khi vay được tiền bị cáo đã trả một phần tiền của hợp đồng vay, sau đó bán sà lan tiếp tục nộp 1 tỷ đồng. Nay tài sản duy nhất là căn nhà để ở, bị cáo cũng tiếp tục bán lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng, thể hiện thiện chí mong muốn trả nợ của bị cáo. Đồng thời, trong thời gian làm ăn tại địa phương, bị cáo cũng góp công sức xây dựng địa phương được UBND tỉnh Vĩnh Long tặng Bằng khen. Đây là những tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí lời bào chữa của luật sư và có nói nói sau cùng là mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng D đúng theo quy định của pháp luật được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền của Ngân hàng thông qua hợp đồng tín dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của Ngân hàng, làm thất thoát tài sản của nhà nước và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã khắc phục phần lớn hậu quả, gia đình có công với Cách mạng được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa đánh giá toàn diện nguyên nhân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, để áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo. Vì vụ án xảy ra cũng do một phần Ngân hàng không kiểm tra hồ sơ khi cho vay, Ngân hàng vi phạm việc giải ngân một lần..., đã tạo điều kiện để bị cáo phạm tội. Sau khi vay được tiền, bị cáo đã dùng 1.515.458.334 đồng trả vốn, lãi cho Ngân hàng; khi bán sà lan, bị cáo nộp

1.000.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra (trước khi khởi tố vụ án), bị cáo bán nhà để thi hành án, số tiền còn lại 3.036.720.252 đồng bị cáo tiếp tục trả cho Ngân hàng, đã thể hiện tự nguyện khắc phục hậu quả trên 2/3 thiệt hại gây ra. Tại Cơ quan điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội như trên; sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích bị cáo đã thật sự hối hận. Đồng thời, bị cáo cũng có công sức đóng góp, xây dựng địa phương, được UBND tỉnh Vĩnh Long tặng Bằng khen, nhiều năm liền được địa phương tặng Giấy khen. Như vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt liền kề là phù hợp, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trần Hoàng D. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hoàng D; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng D 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/4/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Hoàng D để bảo đảm thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Hoàng D không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TTG Công an tỉnh Vĩnh Long (2);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VP (6) HS (1); 16b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý